

Những đặc trưng về quản lý và hoạt động sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ tại Vinacomin

Vũ Thúy Hà

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Là một doanh nghiệp nhà nước, việc quản lý doanh nghiệp cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) có những đặc thù riêng, ảnh hưởng đến quá trình kiểm toán nội bộ. Bài viết sẽ khái quát những đặc trưng này, từ đó nêu lên những đề xuất cho hoạt động kiểm toán nội bộ tại Tập đoàn được chính xác và hiệu quả.

Kiểm toán nội bộ chính thức xuất hiện ở Việt Nam từ cuối những năm 1990, khi Bộ Tài chính ra Quyết định số 832/TC/QĐ-CDKT, ngày 28/10/1997 ban hành "Quy chế kiểm toán nội bộ cho các doanh nghiệp nhà nước". Quyết định này yêu cầu mọi doanh nghiệp nhà nước đều phải thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ. Theo đó, Vinacomin đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ để hỗ trợ cho nhà quản lý trong việc đảm bảo độ tin cậy của thông tin, đánh giá tính kinh tế, hiệu quả của các hoạt động trong Tập đoàn, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện những hoạt động đó. Nhưng, là một tập đoàn công nghiệp quốc gia với lĩnh vực chính là khai thác và chế biến khoáng sản, Vinacomin có những đặc trưng riêng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, về tổ chức và quản lý. Do vậy, để hoạt động có hiệu quả, kiểm toán nội bộ của Vinacomin cần phải tổ chức hoạt động dựa trên những đặc trưng của Tập đoàn, như sau:

Thứ nhất, hoạt động sản xuất, kinh doanh có tác động đến môi trường. Là tập đoàn khai thác và chế biến khoáng sản, nên trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, Vinacomin không tránh khỏi những ảnh hưởng không tốt đến môi trường. Để có thể phát triển, đáp ứng những yêu cầu của hiện tại, mà không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau, vấn đề bảo vệ môi trường luôn được Vinacomin quan tâm và đặt lên hàng đầu trong quá trình hoạch định chiến lược kinh doanh khai thác và chế biến. Các công ty khai thác than và khoáng sản thuộc Vinacomin đã dành sự quan tâm thích đáng đến công tác bảo vệ môi trường với nhiều biện pháp, dự án cụ thể, bao gồm: đầu tư, xây dựng các trạm xử lý nước thải; kiểm tra các thông số quan trắc; lắp đặt hệ thống xương đập bụi; xây kè chắn chống trôi lấp đất đá; trồng cây xanh trên các bãi thải hay khu vực kết thúc khai thác...

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhiều công ty thuộc Tập đoàn vẫn còn tình trạng gây ô nhiễm môi trường, như: nồng độ bụi cao; ô nhiễm nguồn nước, các bãi thải chưa được xử lý, đất đá bị trôi xuống khu vực nhà dân khi mưa xuống... Do vậy, để hỗ trợ nhà quản lý trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường, Vinacomin cần mở rộng thêm nội dung kiểm toán của kiểm toán nội bộ là kiểm toán môi trường. Kiểm toán môi trường trong ngành khai thác có những đặc trưng riêng về mục tiêu, đối tượng và phương pháp kiểm toán, cụ thể:

- Mục tiêu cụ thể của kiểm toán môi trường trong Vinacomin cần xác định theo từng loại hình kiểm toán. Đối với kiểm toán tuân thủ, thì kiểm toán môi trường kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, các quy định về bảo vệ môi trường. Đối với kiểm toán báo cáo tài chính, thì kiểm toán môi trường kiểm tra và xác nhận các báo cáo tài chính, các khoản kinh phí cho hoạt động môi trường. Đối với kiểm toán hoạt động, thì kiểm toán môi trường đánh giá tính hiệu quả và hiệu lực của các chính sách, chương trình, dự án phục vụ cho việc bảo vệ môi trường; đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường; đánh giá hệ thống quản lý môi trường.

- Đối tượng của kiểm toán môi trường trong Vinacomin cần xét đến những đặc trưng riêng của ngành khai khoáng, bao gồm: (1) Nguồn nước, được xem xét với các tiêu chí, như: tổng chất rắn hòa tan, hàm lượng ô xi hòa tan; độ đục; lưu tốc dòng chảy, mangan, sắt, kẽm... (2) Không khí, được xem xét với các tiêu chí, như: độ ẩm, độ rung, tiếng ồn, bụi lơ lửng, H₂S, SO₂, NO₂, CO. (3) Đất, được xem xét với các tiêu chí kết cấu, độ ẩm, độ xốp, PH, chất hữu cơ, kim loại nặng... (4) Phương án cải tạo và phục hồi môi trường, được kiểm tra và đánh giá theo tình hình thực hiện kế

toạch hàng năm hay từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường. (5) Kết quả bảo vệ môi trường, được đánh giá thông qua việc thực hiện nội dung các giấy phép liên quan đến khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường; việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường... (6) Quý môi trường, được kiểm toán rèn khía cạnh đánh giá việc tuân thủ quy định về trích lập và sử dụng quỹ, đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả của các quản lý và sử dụng nguồn kinh phí quý, phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, sai phạm trong quản lý và sử dụng quỹ.

- Phương pháp kiểm toán: do bản chất đặc thù liên quan đến các yếu tố môi trường đòi hỏi khi thực hiện kiểm toán, nên các kiểm toán viên của Vinacomin cần sử dụng thêm một số phương pháp kiểm toán mới, như: kiểm tra hiện trường; phương pháp bảng câu hỏi điều tra; phương pháp phân tích thông số quan trắc.

Thứ hai, quy trình sản xuất, kinh doanh phức tạp, nhiều rủi ro. Quy trình khai thác và chế biến khoáng sản của Vinacomin tương đối dài và đòi hỏi kỹ thuật cao, bắt đầu từ khâu thăm dò khoáng sản, xây dựng hầm lò, khai thác, cho đến phân loại, chế biến khoáng sản, sau cùng là tiêu thụ. Do tính phức tạp của quy trình sản xuất, kinh doanh, mà kiểm toán nội bộ thuộc Vinacomin phải tìm hiểu những định mức của ngành khai thác và xây dựng các tiêu chí riêng của ngành khi thực hiện kiểm toán hoạt động các quy trình, ví dụ: tiêu chí đánh giá chất lượng khoáng sản, tiêu chí kiểm tra tính an toàn của hệ thống hầm mỏ, tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc thăm dò khoáng sản.

Mặt khác, quá trình khai thác và chế biến khoáng sản có nhiều công đoạn và thời gian kéo dài từ khi thăm dò đến khi khai thác và chế biến sản phẩm. Vì vậy, rất dễ xảy ra những rủi ro về mất an toàn lao động, rủi ro bệnh nghề nghiệp, rủi ro trong việc thăm dò, rủi ro về thời tiết, rủi ro ô nhiễm môi trường... Để giảm thiểu những rủi ro, kiểm toán nội bộ của Vinacomin cần hỗ trợ nhà quản lý trong việc kiểm soát tốt các rủi ro bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận đánh giá rủi ro trong quy trình kiểm toán. Theo phương pháp này, mục đích trọng tâm của các cuộc kiểm toán sẽ là: (1) Tìm kiếm và phát hiện rủi ro, gian lận, sai sót; (2) Đề xuất các biện pháp ngăn chặn, xử lý các phát hiện trên; (3) Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện các biện pháp nhằm ngăn chặn rủi ro.

Để đạt được các mục đích trên, việc đầu tiên, kiểm toán viên nội bộ cần thực hiện đánh giá rủi ro. Khi thực hiện đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cần nhận diện được rủi ro thông qua việc thu thập các thông tin về đơn vị, như: các hoạt động và tình hình kinh doanh chủ yếu; môi trường kinh doanh chung; các vấn đề về ngành nghề và doanh nghiệp kinh doanh và xu hướng của ngành nghề; môi trường pháp lý...

Tiếp theo, kiểm toán viên xác định các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro. Ví dụ, các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tại nạn lao động bao gồm: số lượng công nhân; chi phí bảo hộ lao động; tập huấn an toàn lao động; tần suất xảy ra tai nạn lao động; điều kiện lao động; bồi dưỡng nghiệp vụ cho công nhân... Tùy từng đặc điểm của từng nhân tố, kiểm toán viên xác định hệ số và căn cứ vào các hệ số đó để chấm điểm rủi ro cho các nhân tố. Ngoài ra, mỗi nhân tố lại có trọng số thể hiện tầm quan trọng của nhân tố đối với rủi ro đang đánh giá. Một nhân tố càng được coi là quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới mức độ rủi ro, thì trọng số của nó càng cao. Kết thúc quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên nội bộ tập hợp điểm rủi ro tổng thể của đơn vị và phân thành các mức độ rủi ro khác nhau làm cơ sở xác định đối tượng được kiểm toán, cũng như tần suất kiểm toán của từng đối tượng.

Thứ ba, Vinacomin có nhiều đơn vị thành viên. Vinacomin hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Công ty mẹ có vốn đầu tư đa dạng dưới hình thức vốn cổ phần, vốn liên doanh và vốn khác ở các công ty con, công ty liên kết. Công ty mẹ thông qua việc nắm cổ phần chi phối tại công ty con để giữ vai trò trụ cột, trung tâm điều hành trong toàn Tập đoàn.

Bảng 1: Các loại hình sở hữu trong Vinacomin

Hình thức sở hữu	Số lượng đơn vị
Đơn vị trực thuộc công ty mẹ	26
Đơn vị tư nghiệp cổ thụ	5
Công ty TNHH nhà nước I thành viên	4
Công ty con cổ phần	31
Công ty con ở nước ngoài	2
Các công ty liên kết	13

Nguồn: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (2019)

Với nhiều đơn vị thành viên và nhiều loại hình doanh nghiệp (thống kê ở Bảng 1), đòi hỏi chức năng kiểm tra, kiểm soát quản lý của Vinacomin cần phải được đề cao. Kiểm toán nội bộ là một phần hệ của hoạt động kiểm tra, kiểm soát của công ty mẹ với các đơn vị thành viên, cho nên, để tránh hiện tượng kiểm soát chồng chéo hoặc bỏ sót, kiểm toán nội bộ Vinacomin phải chú trọng đến việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm để lựa chọn đối tượng và khách thể kiểm toán trong năm. Công ty nào có mức độ rủi ro cao hơn hoặc Vinacomin nắm giữ phần trăm vốn nhiều sẽ được ưu tiên đưa vào lịch kiểm toán nội bộ năm. Mặt khác, việc lập kế hoạch kiểm toán năm giúp cho kiểm toán nội bộ xác định giới hạn công việc phải thực hiện theo từng nội dung đã xác định, như: số lượng đơn vị thành viên, bộ phận hay nghiệp vụ được kiểm toán trong năm, thời gian thực hiện các nội dung kiểm toán, nhân sự cũng như phân bổ thời gian trong năm cho các cuộc kiểm toán...

Thứ tư, vốn của Vinacomin chủ yếu là vốn nhà nước. Vốn của Vinacomin chủ yếu là vốn nhà nước, vì vậy, Vinacomin chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính của Bộ Tài chính với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước và đại diện chủ sở hữu về vốn và tài sản nhà

nước tại doanh nghiệp theo ủy quyền của Chính phủ. Vinacomin có nghĩa vụ quản lý vốn và tài sản để sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng vốn đúng theo mục tiêu kinh doanh và nhiệm vụ do Nhà nước giao. Vì đặc điểm này, mà nội dung quan trọng cần được thực hiện trong quy trình kiểm toán nội bộ của Vinacomin là kiểm tra, giám sát và tham mưu cho nhà quản lý việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, bao gồm vốn tại Tập đoàn và vốn đầu tư vào các công ty con.

Thứ năm, quy mô vốn lớn. Vì hoạt động trong ngành công nghiệp nặng, nên Vinacomin có vốn đầu tư lớn. Căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019 của Vinacomin, thì năm 2018, vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là 40.847,48 tỷ đồng. Với số vốn lớn như vậy, Vinacomin phải tự chủ trong hoạt động kinh doanh và quản lý nguồn vốn, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn. Do đó, kiểm toán nội bộ phải xem xét, đánh giá việc huy động nguồn vốn cũng như chất lượng của việc sử dụng nguồn vốn tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Muốn thực hiện được việc đánh giá này, kiểm toán nội bộ cần sử dụng các chỉ tiêu phân tích và phương pháp đánh giá phù hợp trên từng mặt hoạt động của đơn vị, như: so sánh kỹ này với kỹ trước, phân tích tỷ trọng của các nguồn huy động, hoặc sử dụng các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sử dụng vốn.

Thứ sáu, phạm vi hoạt động rộng. Vinacomin có địa bàn hoạt động rộng, tùy từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh mà các công ty hoạt động ở các vùng

miền khác nhau của Tổ quốc. Chẳng hạn, liên quan đến lĩnh vực kinh doanh than, thì địa bàn chủ yếu ở Quảng Ninh; liên quan đến việc khai thác khoáng sản, thì địa bàn tập trung ở những vùng cao, liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp của quốc gia, thì có địa bàn rộng khắp cả nước. Nhiều đơn vị thành viên cách xa trụ sở chính của Vinacomin, khiến cho công tác quản lý, kiểm soát khó khăn. Vì vậy, tổ chức kiểm toán nội bộ cần xây dựng mô hình hợp lý, đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa kiểm toán nội bộ công ty mẹ với các công ty con. Việc lập kế hoạch kiểm toán cần chú trọng về thời gian và nhân sự phù hợp để có thể kiểm toán được tất cả các công ty con và đảm bảo tiết kiệm chi phí/.

Tài liệu tham khảo

Bộ Tài chính (1997). Quyết định số 832/TC/QĐ-CĐKT, ngày 28/10/1997 về tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ

Chính phủ (2013). Nghị định số 212/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp than — khoáng sản Việt Nam

Tập đoàn Công nghiệp Than — Khoáng sản Việt Nam (2012). Quyết định số 752/QĐ-HĐTV, ngày 16/04/2012 ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ Tập đoàn

Tập đoàn Công nghiệp Than — Khoáng sản Việt Nam (2019). Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của TKV năm 2018, ngày 05/06/2019

Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị...

Tiếp theo trang 58

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành tương đối đầy đủ các cơ chế chính sách như Nghị định 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các nghị định về tín dụng, bảo hiểm sản xuất nông nghiệp... Tình đã nghiên cứu, cụ thể hóa Nghị định 57 vào địa bàn tỉnh. Thời gian tới, Nam Định sẽ đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; chuyển đổi mô hình hợp tác xã cũ thành hợp tác xã chuyên ngành; hướng các hộ trang trại từng bước phát triển thành doanh nghiệp nông nghiệp nông thôn, nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) của Chính phủ.

Sự phát triển của HTX có vai trò quan trọng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Trong thời gian tới,

lĩnh quyết tâm xây dựng HTX trở thành "hạt nhân" để liên kết với doanh nghiệp tạo thành chuỗi khép kín làm tăng thu nhập của các hộ nông dân, cải thiện đời sống, góp phần nâng cao trình độ sản xuất, bảo đảm an sinh xã hội/.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Mai (2014). Mở rộng tín dụng cho nông nghiệp: Nhìn từ mô hình liên kết sản xuất.

Bosworth, Mchel T (2011), Giải pháp bán hàng: Bí quyết khách hàng cho những thị trường khó tiêu thụ sản phẩm.

Kaus Schwab (2016) Cách mạng công nghiệp 4.0, Diễn đàn kinh tế thế giới tại Davos Thụy Sĩ, tháng 1.

Trần Quang Trung (2017), Liên kết sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp: Lý luận và thực tiễn trong chế biến nông sản nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.